

TỔ THU THẬP THÔNG TIN
XÃ.....

DANH SÁCH THU THẬP THÔNG TIN NGƯỜI LAO ĐỘNG CẬP NHẬT VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 167 /KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Thôn/Tổ DP:.....

STT	HỌ VÀ TÊN	Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh	SỐ CCCD /CMND	Mã số BHXH	Nơi thường trú	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất đã tốt nghiệp/ đạt được	Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được	Chuyên ngành đào tạo (Phụ lục danh mục giáo dục, đào tạo ban hành tại Quyết định số 01/2017/QĐ-TTG)		Tình trạng tham gia hoạt động kinh tế	Người có việc làm							Người thất nghiệp		
		Nam	Nữ								Chuyên ngành đào tạo (mã cấp II)	Chuyên ngành đào tạo chi tiết (mã cấp III)		Vị thế việc làm	Công việc cụ thể đang làm	Tham gia bảo hiểm xã hội	Hợp đồng lao động	Loại hình hợp đồng lao động	Loại hình nơi làm việc	Địa chỉ nơi làm việc	Chưa làm việc bao giờ	Đã từng làm việc	Thời gian thất nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
1																							
2																							
3																							
4																							
5																							
6																							
...																							

Tổng số người lao động được thu thập

TỔ CÔNG TÁC 06 CẤP XÃ

CÔNG AN CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2024
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

MỘT SỐ QUY ƯỚC:

Cột 8: Đối tượng ưu tiên (nếu có): Người khuyết tật ghi_1; Thuộc hộ nghèo ghi_2; Thuộc hộ cận nghèo ghi_3; Thuộc hộ bị thu hồi đất ghi_4; Thân nhân NCCVCm ghi_5; Dân tộc thiểu số ghi_6.

Cột 9: Trình độ giáo dục phổ thông: (Chưa tốt nghiệp Tiểu học ghi_1; Tốt nghiệp Tiểu học ghi_2; Tốt nghiệp THCS ghi_3; Tốt nghiệp THPT ghi_4).

Cột 10: Trình độ CMKT được đào tạo: Chưa qua đào tạo ghi_1; Công nhân kỹ thuật không có bằng ghi_2; Chứng chỉ nghề dưới 03 tháng ghi_3; Sơ cấp ghi_4; Trung cấp ghi_5; Cao đẳng ghi_6; Đại học ghi_7; Trên Đại học ghi_8

Cột 11, cột 12: Ghi theo Phụ lục danh mục giáo dục, đào tạo ban hành tại Quyết định số 01/2017/QĐ-TTG ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Cột 13: Tình trạng tham gia HDKT: Người có việc làm ghi_1; Người thất nghiệp ghi_2; Người không tham gia HDKT ghi_3.

Cột 14: Vị thế việc làm: (Chủ cơ sở SXKD-ghi_1; Tự làm ghi_2; LĐ gia đình ghi_3; Làm công ăn lương ghi_4; Xã viên HTX ghi_5)

Cột 15: Công việc cụ thể đang làm ghi theo mã nghề cấp 3 tại Phụ lục danh mục nghề Việt Nam ban hành tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTG ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Cột 16: Có ghi_1; Không ghi_2

Cột 17: Hợp đồng lao động_ HĐLĐ: Có ghi_1; Không ghi_2.

Cột 18: Loại hình HĐLĐ: HĐLĐ xác định thời hạn ghi_1; HĐLĐ không xác định thời hạn ghi_2

Cột 19: Loại hình nơi làm việc: Hộ Nông, lâm nghiệp, thủy sản ghi_1; Cá nhân làm tự do ghi_2; Cơ sở kinh doanh cá thể ghi_3; Hợp tác xã ghi_4; Doanh nghiệp ghi_5; Khu vực nhà nước ghi_6; Đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước ghi_7; Khu vực nước ngoài ghi_8; Tổ chức đoàn thể khác ghi_9.